TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Trực.
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm R, thôn L, xã T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn K, xã D1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy D và anh Trần Đình T có thời gian tìm hiểu và quen biết nhau được khoảng 04 năm. Sau đó, chị D và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2020 tại Uỷ ban nhân dân xã D1, huyện V (Nay xã D1, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, chị D và anh T về sống chung tại nhà của cha mẹ anh T, địa chỉ: Thôn K, xã D1, huyện V (Nay xã D1, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T ham chơi, không chăm chỉ làm ăn. Từ ngày 12/7/2020 cho đến nay, vợ chồng chị D không còn chung sống với nhau nữa. Thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không hàn gắn được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Trần Thị Nhã U, sinh ngày 07/6/2020. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uyên đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi cháu Uyên mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu Uyên đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay, công việc của anh T không ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng của chị từ 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng nên chị có đủ khả năng nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Đình T được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy D được ly hôn với anh Trần Đình T; giao người con chung là cháu Trần Thị Nhã U, sinh ngày 07/6/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị Thùy D có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị và anh Trần Đình T có địa chỉ cư trú tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thùy D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là anh Trần Đình T mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy D và anh Trần Đình T trước khi kết hôn đã có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 năm, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2020 tại Uỷ ban nhân dân xã D1, huyện V (Nay là xã D1, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng chị D, anh T sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, không chịu làm ăn. Do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 7 năm 2020, chị D và anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T để tổ chức hòa giải, tạo cơ hội cho vợ chồng trở về đoàn tụ, xây dựng gia đình và cùng có trách nhiệm chăm lo cho con chung, nhưng anh T cố tình vắng mặt, chị D có đơn xin không tiến hành hòa giải. Theo đơn trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc H1 là mẹ của anh T, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị D là đúng như chị D trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Trần Thị Nhã U, sinh ngày 07/6/2020. Hiện nay, cháu Uyên đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uyên đến tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của con khi cha mẹ ly hôn, nhưng chị D cho rằng hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nghĩa vụ về tài sản: Chị D trình bày không có, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy D được ly hôn anh Trần Đình T

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Thùy D và anh Trần Đình T có 01 con chung là cháu Trần Thị Nhã U, sinh ngày 07/6/2020. Giao cháu Trần Thị Nhã U

cho chị Phạm Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại thời điểm xét xử, cháu Trần Thị Nhã U đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thùy D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Thùy D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0004385 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Phạm Thị Thùy D đã nộp đủ.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND xã D1, TP. H
(ĐKKH số: 06 ngày 07/02/2020);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Văn Hạnh